

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1970; Nơi cư trú: Ấp LT, xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Bị đơn:** Anh Huỳnh Văn M, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1970; Nơi cư trú: Ấp LT, xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 3 năm 2023, bản khai đề ngày 06 tháng 7 năm 2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị với anh Huỳnh Văn M kết hôn vào năm 1994, hôn nhân không có tìm hiểu trước mà do cha mẹ định đoạt và được sự chấp thuận của cha mẹ đôi bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 7 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã LKB, huyện HN. Quá trình chung sống có hạnh phúc và sinh được 02 đứa con gái gồm: Huỳnh Thị Mỹ S, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1994 và Huỳnh Thị Mỹ L, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2002. Vài năm trở lại đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M không lo làm ăn, không lo chăm sóc con cái, gia đình mà lao vào con đường bài bạc đỏ đen. Bao nhiêu tiền bạc tài sản chị làm dành dụm đều bị anh M nướng vào đánh bạc thậm chí còn thế thân cho Casino. Nhiều lần chị khuyên can thì anh M hứa sẽ bỏ, nhưng được vài ngày thì tiếp tục đỏ đen. Từ đó vợ chồng luôn bất đồng, mâu thuẫn, cho nên trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng thường hay cãi vã với nhau và dẫn đến sự mâu thuẫn ngày càng gay gắt, chị đã cố gắng chịu đựng để vợ chồng cùng làm ăn lo cho cuộc sống gia đình và tương lai của con, nhưng đến nay thì chị không thể nào chịu đựng được nữa. Tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn lại với nhau được khi mục đích của hôn nhân không đạt được và vợ chồng đã không còn sống chung. Về con chung: Hai vợ chồng sống chung với nhau có 02 con chung là Huỳnh Thị Mỹ S, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1994 và Huỳnh Thị Mỹ L, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2002, hiện 02 cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Huỳnh Văn M đã được Tòa án triệu tập đề hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Văn M; Về nuôi con chung: Huỳnh Thị Mỹ

S, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1994 và Huỳnh Thị Mỹ L, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2002 đã trưởng thành, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày không có, còn anh Huỳnh Văn M không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Huỳnh Văn M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn M là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Huỳnh Văn M, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị Nguyễn Thị T thì cuộc sống của chị và anh Huỳnh Văn M không hạnh phúc nguyên nhân là do anh M không lo làm ăn, không lo chăm sóc con cái, gia đình mà lao vào con đường bài bạc đỏ đen. Bao nhiêu tiền bạc tài sản chị làm dành dụm đều bị anh M nướng vào đánh bạc thậm chí còn thế thân cho Casino. Nhiều lần chị khuyên can thì anh M hứa sẽ bỏ, nhưng được vài ngày thì tiếp tục đỏ đen. Từ đó vợ chồng luôn bất đồng, mâu thuẫn, cho nên trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng thường hay cãi vã với nhau và dẫn đến sự mâu thuẫn ngày càng gay gắt, chị đã cố gắng chịu đựng để vợ chồng cùng làm ăn lo cho cuộc sống gia đình và tương lai của con, nhưng đến nay thì chị không thể nào chịu đựng được nữa. Tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn lại với nhau được khi mục đích của hôn nhân không đạt được và vợ chồng đã không còn sống chung. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị T với anh M hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56

Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị T ly hôn với anh M.

[4] Về việc nuôi con: Đối với 02 con chung là Huỳnh Thị Mỹ S, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1994 và Huỳnh Thị Mỹ L, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2002, đã trưởng thành có gia đình riêng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Huỳnh Văn M không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn M.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004436 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã LKB, huyện HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng